

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021

“V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Văn Hùng;

2. Ông La Văn Việt;

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1109/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Quốc H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 267/14 Ô 4 khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà H có đề nghị vắng mặt, ông L vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Quốc H trình bày: Bà H và ông L cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 22/3/2010. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường gây gổ, cãi nhau. Bà H và ông L đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà H khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Nguyễn Quốc H yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Tường V, sinh ngày 31/10/2007; Võ Thiên K, sinh ngày 22/6/2009, hiện 02 con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Văn L vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Võ Văn L theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông L biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà H nhưng ông L không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Võ Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Quốc H và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Quốc H bận đi làm xa nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Quốc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn L, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Quốc H bận đi làm xa nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Võ Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 22/3/2010 nên hôn nhân giữa bà H với ông L là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L: Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm nên hay gây cãi, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà H thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt mời ông Võ Văn L, ông L biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà H nhưng ông L không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa bà H đối với ông L đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà H yêu cầu xin ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: bà H trình bày giữa bà H với ông L có 02 con chung tên Võ Tường V, sinh ngày 31/10/2007 và Võ Thiên K, sinh ngày 22/6/2009, hiện 02 con chung đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Xét tại bản tự khai của cháu Võ Tường V và Võ Thiên K đều có nguyện vọng được sống chung với bà H. Do đó, HĐXX thấy việc bà H xin tiếp tục nuôi con chung được ông L đồng ý và đúng nguyện vọng của con chung, phù hợp các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung là tự nguyện và phù hợp với các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Quốc H trình bày thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Võ Văn L vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà H và ông Võ Văn L có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Quốc H phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Quốc H đối với ông Võ Văn L.

Bà Nguyễn Quốc H được ly hôn với ông Võ Văn L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Quốc H được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Võ Tường V, sinh ngày 31/10/2007 và Võ Thiên K, sinh ngày 22/6/2009, hiện hai con chung đang sống với bà H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con vì Bà Hương không yêu cầu.

4. Về quyền chăm sóc con chung: Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Quốc H trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí Bà Hương đã nộp theo biên lai số 0006535 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Quốc H đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã H (để biết);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Khắc Linh Duy**